

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIET CAPITAL LAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIET CAPITAL LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET CAPITAL LAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET CAPITAL LAND.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109018125

3. Ngày thành lập: 06/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, số 18 phố Miếu Đàm, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Phá dỡ	4311
4.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
6.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa;	4610

13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, đồ ngũ kim; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
14.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
16.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
19.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
20.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
26.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất; - Hoạt động trang trí ngoại thất; - Dịch vụ thiết kế đồ thị;	7410
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
31.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710

34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820
35.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Khoản 1 Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810(Chính)
36.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
38.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
39.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
40.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
41.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán buôn thực phẩm	4632
44.	Bán buôn đồ uống	4633
45.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
51.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
52.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
53.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
54.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
55.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
56.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
57.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
58.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
59.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
62.	Quảng cáo	7310
63.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

64.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
65.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
66.	In ấn	1811
67.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
68.	Sao chép bản ghi các loại	1820
69.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
70.	Đại lý du lịch	7911
71.	Điều hành tua du lịch	7912
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
74.	Khai thác gỗ	0220
75.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
76.	Thu gom rác thải độc hại	3812
77.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
78.	Tái chế phế liệu	3830
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
80.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc (Trừ hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công)	8730
81.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
82.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
83.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN BÁ TUẤN	Tổ 5, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	625.000	6.250.000.000	25,000	026075000269	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	625.000	6.250.000.000	25,000		
2	PHẠM NGỌC LỢI	Thôn Quốc Tuấn, Xã Lê Hồng, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	625.000	6.250.000.000	25,000	142075034	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	625.000	6.250.000.000	25,000		

3	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Căn 12B01, tòa R2, chung cư Goldmark City, Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	625.000	6.250.000.000	25,000	C1060832
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	625.000	6.250.000.000	25,000	
4	ĐINH XUÂN VANG	Tổ 6, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	625.000	6.250.000.000	25,000	013527764
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	625.000	6.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/03/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142075034

Ngày cấp: 05/05/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Quốc Tuấn, Xã Lê Hồng, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Phòng 604 tòa R1, KĐT Goldmark City, số 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Ho và tên: TRẦN BÁ TUẤN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 16/07/1975

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 026075000269

Ngày cấp: 07/04/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 5, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 407 nhà C3, KĐT Mỹ Đình 1, tổ 10, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội